

**Phụ lục II**  
**BỘ CHỈ SỐ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**  
*(Kèm theo Thông tư /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Hàng năm					Mục tiêu đến 2030	Tần suất báo cáo	Nguồn số liệu	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo	
			2026	2027	2028	2029	2030				Cấp tỉnh	Cấp Trung ương
I	CÁC CHỈ SỐ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH											
1	Tỷ lệ số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Tỷ lệ số xã được công nhận nông thôn mới hiện đại	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Số tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Tỉnh							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	Bình quân tiêu chí xã NTM đạt chuẩn/xã	Tiêu chí							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%							Hàng năm	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%							Hàng năm	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều	%							Hàng năm	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%							Hàng năm	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Hàng năm					Mục tiêu đến 2030	Tần suất báo cáo	Nguồn số liệu	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo	
			2026	2027	2028	2029	2030				Cấp tỉnh	Cấp Trung ương
9	Số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ra khỏi diện đặc biệt khó khăn	xã							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo
10	Số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ra khỏi diện đặc biệt khó khăn	thôn							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ SỐ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030</b>											
<b>II.1</b>	<b>Xây dựng xã nông thôn mới (Nhóm 1)</b>											
1	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Quy hoạch	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng
2	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ;
3	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài chính; Bộ Công Thương
4	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ
5	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Văn hóa, Giáo dục, Y tế	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế
6	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Giảm nghèo và An sinh xã hội	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Nội vụ; Bộ Y tế; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
7	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công Thương

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Hàng năm					Mục tiêu đến 2030	Tần suất báo cáo	Nguồn số liệu	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo	
			2026	2027	2028	2029	2030				Cấp tỉnh	Cấp Trung ương
8	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Môi trường và cảnh quan nông thôn	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng
9	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tư pháp
10	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng; Bộ Công an
<b>II.2</b>	<b>Xây dựng xã nông thôn mới (Nhóm 2)</b>											
1	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Quy hoạch	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng
2	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ;
3	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài chính; Bộ Công Thương
4	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ
5	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Văn hóa, Giáo dục, Y tế	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế
6	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Giảm nghèo và An sinh xã hội	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Nội vụ; Bộ Y tế; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
7	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công Thương

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Hàng năm					Mục tiêu đến 2030	Tần suất báo cáo	Nguồn số liệu	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo	
			2026	2027	2028	2029	2030				Cấp tỉnh	Cấp Trung ương
8	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Môi trường và cảnh quan nông thôn	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng
9	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tư pháp
10	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng; Bộ Công an
<b>II.3</b>	<b>Xây dựng xã nông thôn mới (Nhóm 3)</b>											
1	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Quy hoạch	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng
2	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ;
3	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài chính; Bộ Công Thương
4	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ
5	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Văn hóa, Giáo dục, Y tế	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế
6	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Giảm nghèo và An sinh xã hội	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Nội vụ; Bộ Y tế; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
7	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công Thương

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Hàng năm					Mục tiêu đến 2030	Tần suất báo cáo	Nguồn số liệu	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo	
			2026	2027	2028	2029	2030				Cấp tỉnh	Cấp Trung ương
8	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Môi trường và cảnh quan nông thôn	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng
9	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tư pháp
10	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng; Bộ Công an
<b>II.4 Xây dựng xã nông thôn mới hiện đại</b>												
1	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đối với xã nhóm 1	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Tỷ lệ số xã đạt quy định ( <i>Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1</i> )	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài chính
3	Tỷ lệ số xã đạt quy định ( <i>Bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo</i> )	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Công Thương
4	Tỷ lệ số xã đạt quy định ( <i>Có mô hình nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</i> )	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ số xã đạt quy định ( <i>Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn</i> )	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	Tỷ lệ số xã đạt quy định ( <i>Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống</i> )	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Hàng năm					Mục tiêu đến 2030	Tần suất báo cáo	Nguồn số liệu	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo	
			2026	2027	2028	2029	2030				Cấp tỉnh	Cấp Trung ương
7	Tỷ lệ số xã đạt quy định ( <i>Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn</i> )	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	Tỷ lệ số xã đạt quy định ( <i>An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại</i> )	%							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Công an
<b>II.5</b>	<b>Xây dựng tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới</b>											
1	100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt nông thôn mới hiện đại	Đạt							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Có xây dựng nông thôn mới ở phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc xây dựng nông thôn mới ở đặc khu	Đạt							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	Hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, thành phố đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm (trong đó có ít nhất 70% số km đường tỉnh trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường)	Đạt							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng
5	Có đủ các loại hình thiết chế văn hóa cấp tỉnh	Đạt							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; có ít nhất 80% số trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; hoàn thành giáo dục bắt buộc	Đạt							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ số			Đơn vị tính	Hàng năm					Mục tiêu đến 2030	Tần suất báo cáo	Nguồn số liệu	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo		
					2026	2027	2028	2029	2030				Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	
	hết trung học cơ sở; tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt từ 50% trở lên														
7	Hệ thống y tế cơ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, khám chữa bệnh của người dân			Đạt						6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Y tế		
8	Có đề án hoặc kế hoạch và chính sách hỗ trợ: phát triển OCOP; phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn			Đạt						6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
9	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)			Đạt						6 tháng		UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
10	Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt từ 10%/năm trở lên			Đạt						Hàng năm		UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài chính		
11	Khu xử lý chất thải rắn tập trung cấp tỉnh đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường			Đạt						6 tháng		UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
12	Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt từ 85% trở lên			Đạt						Hàng năm		UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
13	An ninh, trật tự trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố được bảo đảm			Đạt						6 tháng		UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Công an		
III	CÁC CHỈ SỐ THEO DÕI HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC														
1	Cơ cấu nguồn lực huy động	1.1	Tổng nguồn lực huy động thực hiện Chương trình	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
		1.2	Vốn ngân sách trung ương	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính	

TT	Chỉ số		Đơn vị tính	Hàng năm					Mục tiêu đến 2030	Tần suất báo cáo	Nguồn số liệu	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo	
				2026	2027	2028	2029	2030				Cấp tỉnh	Cấp Trung ương
	1.2.1	Vốn đầu tư công	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính
	1.2.2	Kinh phí thường xuyên	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính
	1.3	Vốn ngân sách địa phương các cấp	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo
	1.3.1	Vốn ngân sách cấp tỉnh	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo
	1.3.2	Vốn ngân sách cấp xã	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo
	1.4	Vốn lồng ghép	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo
	1.5	Vốn tín dụng chính sách	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh, thành phố	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ngân hàng Chính sách xã hội
	1.6	Vốn doanh nghiệp	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo
	1.7	Vốn huy động đóng góp từ cộng đồng và người dân	Triệu đồng							6 tháng	Báo cáo theo dõi, đánh giá	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo